

Chi tiết câu hỏi và đáp án

Question 1-6

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6. How To Become an Independent Language Learner Becoming an independent learner takes time and patience, but it is one of the most rewarding journeys you can take. Here are some tips to help you stay motivated and grow steadily. Set (1) _____ that guide your daily practice. Face the (2) _____ that slow your progress instead of avoiding them. Remember, there are (3) _____ opportunities to learn outside the classroom - podcasts, movies, or online communities. Stick (4) _____ your study plan even when you feel tired or discouraged. Try to (5) _____ new words and expressions through real-life use rather than memorizing lists. Build a strong personal routine that matches your lifestyle and learning style. Join a group (6) _____ shares your passion for languages to stay inspired. With effort and persistence, you'll soon realise that independence leads to confidence and long-term success.

DỊCH BÀI

DỊCH BÀI	
How To Become an Independent Language Learner	Làm Thế Nào Để Trở Thành Một Người Tự Học Ngôn Ngữ
Becoming an independent learner takes time and patience, but it is one of the most rewarding journeys you can take. Here are some tips to help you stay motivated and grow steadily.	Trở thành một người tự học cần có thời gian và sự kiên nhẫn, nhưng đó là một trong những hành trình đáng giá nhất mà bạn có thể thực hiện. Dưới đây là một số lời khuyên giúp bạn luôn có động lực và phát triển ổn định.
<ul style="list-style-type: none"> Set clear learning goals that guide your daily practice. 	<ul style="list-style-type: none"> Đặt mục tiêu học tập rõ ràng mà dẫn dắt sự luyện tập hàng ngày của bạn.
<ul style="list-style-type: none"> Face the obstacles that slow your progress instead of avoiding them. 	<ul style="list-style-type: none"> Đối mặt với những trở ngại làm chậm sự tiến bộ của bạn thay vì trốn tránh chúng.
<ul style="list-style-type: none"> Remember, there are many opportunities to learn outside the classroom - podcasts, movies, or online communities. 	<ul style="list-style-type: none"> Hãy nhớ rằng có rất nhiều cơ hội để học hỏi bên ngoài lớp học - podcast, phim hoặc các cộng đồng trực tuyến.
<ul style="list-style-type: none"> Stick to your study plan even when you feel tired or discouraged. 	<ul style="list-style-type: none"> Bám sát kế hoạch học tập ngay cả khi bạn cảm thấy mệt mỏi hay chán nản.
<ul style="list-style-type: none"> Try to pick up new words and expressions through real-life use rather than memorizing lists. 	<ul style="list-style-type: none"> Cố gắng học từ và cách diễn đạt mới thông qua việc sử dụng thực tế thay vì ghi nhớ theo danh sách.
<ul style="list-style-type: none"> Build a strong personal routine that matches your lifestyle and learning style. 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng thói quen cá nhân vững chắc phù hợp với lối sống và phong cách học tập của bạn.
<ul style="list-style-type: none"> Join a group which shares your passion for languages to stay inspired. 	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia một nhóm chia sẻ niềm đam mê ngôn ngữ của bạn để luôn được truyền cảm hứng.
With effort and persistence, you'll soon realise that independence leads to confidence and long-term success.	Với nỗ lực và sự kiên trì, bạn sẽ sớm nhận ra rằng sự tự lập dẫn đến sự tự tin và thành công lâu dài.

Câu 1

- A. learning clear goals
- B. goals clear learning
- C. clear goals learning

✓ **D. clear learning goals**

➔ **Chọn đáp án đúng:** D. clear learning goals

Kiến thức: Trật tự từ

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

- Ta có:

+ learning goals (n.p): mục tiêu học tập ('learning' là danh từ phụ, đứng trước và bỏ nghĩa cho danh từ chính 'goals')

+ clear (adj): rõ ràng

- Theo quy tắc trật tự từ, ta dùng tính từ đứng trước danh từ để bỏ nghĩa nên ta chọn 'clear learning goals'.

Tạm dịch:

Set clear learning goals that guide your daily practice. (Đặt mục tiêu học tập rõ ràng mà dẫn dắt sự luyện tập hàng ngày của bạn.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 2

A. outcomes

B. responses

C. dynamics

✓ **D. obstacles**

→ **Chọn đáp án đúng: D. obstacles**

Kiến thức: Từ vựng theo ngữ cảnh

A. outcome /'aʊtkʌm/ (n): kết quả

B. response /rɪ'spɒns/ (n): sự phản hồi

C. dynamic /daɪ'næmɪk/ (n) động lực

D. obstacle /'ɒbstəkl/ (n): chướng ngại vật, trở ngại

- face obstacles: đối mặt với những trở ngại

Tạm dịch:

Face the obstacles that slow your progress instead of avoiding them. (Đối mặt với những trở ngại làm chậm sự tiến bộ của bạn thay vì trốn tránh chúng.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 3

A. another

B. others

✓ **C. many**

D. much

→ **Chọn đáp án đúng: C. many**

Kiến thức: Lượng từ

A. another + N (đếm được số ít): một người/cái khác

B. others: những người/cái khác

C. many + N (đếm được số nhiều): nhiều

D. much + N (không đếm được): nhiều

- Ta có 'opportunities' là danh từ đếm được số nhiều nên ta chọn 'many'.

Tạm dịch:

Remember, there are many opportunities to learn outside the classroom - podcasts, movies, or online communities. (Hãy nhớ rằng có rất nhiều cơ hội để học hỏi bên ngoài lớp học - podcast, phim hoặc các cộng đồng trực tuyến.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 4

✓ **A. to**

B. of

C. for

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

D. from

→ **Chọn đáp án đúng:** A. to

Kiến thức: Giới từ

- stick to something: bám sát, kiên trì với cái gì (kế hoạch, mục tiêu...)

Tạm dịch:

Stick to your study plan even when you feel tired or discouraged. (Bám sát kế hoạch học tập ngay cả khi bạn cảm thấy mệt mỏi hay chán nản.)

→ **Chọn đáp án A**

Câu 5

A. put up

B. bring up

✓ **C. pick up**

D. keep up

→ **Chọn đáp án đúng:** C. pick up

Kiến thức: Cụm động từ

A. put up: dựng lên, xây lên

B. bring up: nuôi nấng ai; đề cập tới cái gì

C. pick up: học nhặt nhạnh (học một cách tự nhiên); nhặt lên; đón ai

D. keep up: duy trì

Tạm dịch:

Try to pick up new words and expressions through real-life use rather than memorizing lists. (Cố gắng học từ và cách diễn đạt mới thông qua việc sử dụng thực tế thay vì ghi nhớ theo danh sách.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 6

A. whose

✓ **B. which**

C. where

D. what

→ **Chọn đáp án đúng:** B. which

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ

- Đại từ quan hệ 'which' thay cho cụm danh từ chỉ vật 'a group' đóng vai trò làm chủ ngữ trong mệnh đề quan hệ.

Tạm dịch:

Join a group which shares your passion for languages to stay inspired. (Tham gia một nhóm chia sẻ niềm đam mê ngôn ngữ của bạn để luôn được truyền cảm hứng.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 7-12

Read the following announcement and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12. Charity Concert for Children in Need Our school is delighted to announce a charity concert that will take place next Saturday at the City Hall. The event, (7) _____ by local teachers and students, aims to bring people together through music and kindness. A large (8) _____ of talented performers, including both students and guest musicians, will join the stage to share their songs and stories. The (9) _____ from ticket sales will be donated to help underprivileged children continue their education. We hope to (10) _____ funds not only to provide school supplies but also to support community projects that bring long-term benefits. This concert will be a meaningful opportunity for everyone to contribute to a good cause. Please come early (11) _____ you can find good seats and enjoy the performances. Let's make this event a (12) _____ night of music, compassion, and unity!

DỊCH BÀI

DỊCH BÀI	
Charity Concert for Children in Need	Đêm Nhạc Từ Thiện Vì Trẻ Em Khó Khăn
Our school is delighted to announce a charity concert that will take place next Saturday at the City Hall. The event, organised by local teachers and students, aims to bring people together through music and kindness. A large number of talented performers, including both students and guest musicians, will join the stage to share their songs and stories. The proceeds from ticket sales will be donated to help underprivileged children continue their education.	Trường chúng tôi vui mừng thông báo về một buổi hòa nhạc từ thiện sẽ diễn ra vào thứ Bảy tới tại Tòa thị chính. Sự kiện này, được tổ chức bởi các giáo viên và học sinh địa phương, nhằm mục đích gắn kết mọi người lại với nhau thông qua âm nhạc và lòng tốt. Rất nhiều nghệ sĩ tài năng, bao gồm cả học sinh và nhạc sĩ khách mời, sẽ lên sân khấu để chia sẻ những bài hát và câu chuyện của họ. Số tiền thu được từ việc bán vé sẽ được quyên góp để giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục được đi học.
We hope to raise funds not only to provide school supplies but also to support community projects that bring long-term benefits. This concert will be a meaningful opportunity for everyone to contribute to a good cause. Please come early so that you can find good seats and enjoy the performances.	Chúng tôi mong muốn gây quỹ không chỉ để cung cấp đồ dùng học tập mà còn hỗ trợ các dự án cộng đồng mà mang lại lợi ích lâu dài. Buổi hòa nhạc này sẽ là một cơ hội đầy ý nghĩa để mọi người có thể đóng góp vào một mục đích tốt đẹp. Các bạn hãy đến sớm để có thể tìm được chỗ ngồi tốt và thưởng thức các tiết mục nhé.
Let's make this event a memorable night of music, compassion, and unity!	Hãy biến sự kiện này thành một đêm đáng nhớ của âm nhạc, lòng trắc ẩn và sự đoàn kết!

Câu 7

- A. is organised
- B. organising
- C. to organise

✓ **D. organised**

→ **Chọn đáp án đúng: D. organised**

Kiến thức: Rút gọn mệnh đề quan hệ

- Ta thấy câu đã có chủ ngữ chính 'The event' và động từ chính 'aims' nên ta có thể dùng mệnh đề quan hệ hoặc mệnh đề quan hệ rút gọn để bổ nghĩa cho 'The event'.
- Để rút gọn mệnh đề quan hệ dạng bị động, ta lược bỏ đại từ quan hệ và to be (nếu có), giữ nguyên quá khứ phân từ (V3/ed) (which is organised → organised).

Tạm dịch:

The event, organised by local teachers and students, aims to bring people together through music and kindness. (Sự kiện này, được tổ chức bởi các giáo viên và học sinh địa phương, nhằm mục đích gắn kết mọi người lại với nhau thông qua âm nhạc và lòng tốt.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 8

- A. level
- B. amount
- ✓ **C. number**
- D. handful

→ **Chọn đáp án đúng: C. number**

Kiến thức: Cụm từ chỉ lượng

- A. a level of + N (không đếm được): lượng, mức độ
- B. an amount of + N (không đếm được): lượng
- C. a number of + N (đếm được số nhiều): nhiều
- D. a handful of + N (đếm được số nhiều): lượng nhỏ
- Ta có 'talented performers' là danh từ đếm được số nhiều và dựa vào ngữ cảnh ta có 'a large number of

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

+ N (đếm được số nhiều): rất nhiều, một số lượng lớn'.

Tạm dịch:

A large number of talented performers, including both students and guest musicians, will join the stage to share their songs and stories. (Rất nhiều nghệ sĩ tài năng, bao gồm cả học sinh và nhạc sĩ khách mời, sẽ lên sân khấu để chia sẻ những bài hát và câu chuyện của họ.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 9

A. receipts

B. salaries

✓ C. proceeds

D. subsidies

→ **Chọn đáp án đúng: C. proceeds**

Kiến thức: Từ vựng có cùng trường nghĩa

A. receipts /rɪˈsi:ts/ (n): doanh thu, khoản thu (doanh nghiệp, tổ chức, chính phủ...)

B. salary /ˈsæləri/ (n): tiền lương

C. proceeds /ˈprəʊsi:dz/ (n): tiền thu được (tổng số tiền kiếm được từ một sự kiện, bán hàng, hoặc một hoạt động nào đó)

D. subsidy /ˈsʌbsədi/ (n): tiền trợ cấp

Tạm dịch:

The proceeds from ticket sales will be donated to help underprivileged children continue their education. (Số tiền thu được từ việc bán vé sẽ được quyên góp để giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục được đi học.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 10

A. put

✓ B. raise

C. pay

D. take

→ **Chọn đáp án đúng: B. raise**

Kiến thức: Cụm từ cố định (Collocations)

- raise funds: gây quỹ

Tạm dịch:

We hope to raise funds not only to provide school supplies but also to support community projects that bring long-term benefits. (Chúng tôi mong muốn gây quỹ không chỉ để cung cấp đồ dùng học tập mà còn hỗ trợ các dự án cộng đồng mà mang lại lợi ích lâu dài.)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 11

A. while

✓ B. so that

C. in case

D. though

→ **Chọn đáp án đúng: B. so that**

Kiến thức: Liên từ và trạng từ liên kết

A. while: trong khi (thể hiện sự song song hoặc sự đối lập)

B. so that: để mà

C. in case: phòng khi

D. though: mặc dù

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Tạm dịch:

Please come early so that you can find good seats and enjoy the performances. (Các bạn hãy đến sớm để có thể tìm được chỗ ngồi tốt và thưởng thức các tiết mục nhé.)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 12

A. memorably

✓ **B. memorable**

C. memorise

D. memory

→ **Chọn đáp án đúng: B. memorable**

Kiến thức: Từ loại

A. memorably /'memərəbli/ (adv): một cách đáng nhớ, khó quên

B. memorable /'memərəbl/ (adj): đáng nhớ, khó quên

C. memorise /'meməraɪz/ (v): ghi nhớ, học thuộc lòng

D. memory /'meməri/ (n): trí nhớ, ký ức

- Trước danh từ 'night', ta dùng một tính từ để bổ nghĩa nên ta chọn 'memorable'.

Tạm dịch:

Let's make this event a memorable night of music, compassion, and unity! (Hãy biến sự kiện này thành một đêm đáng nhớ của âm nhạc, lòng trắc ẩn và sự đoàn kết!)

→ **Chọn đáp án B**

Question 13-17

Mark the letter A, B, C or D to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

Câu 13

Dear Ms. Tran, a. After carefully reviewing all applications, our team was impressed by your background in digital communication and project coordination. b. At this stage, we would like to invite you to a short online interview to discuss your ideas in more detail. c. Thank you for your interest in the Marketing Assistant position at our company. d. Details about the schedule and format will be sent to you shortly by email. e. Your experience reflects many of the qualities we value in a growing and creative team. Best regards, ABC Group

A. a – e – b – d – c

B. c – b – e – d – a

C. a – c – d – e – b

✓ **D. c – a – e – b – d**

→ **Chọn đáp án đúng: D. c – a – e – b – d**

Kiến thức: Sắp xếp lá thư

DỊCH BÀI

Dear Ms. Tran

Thưa cô Trần,

Thank you for your interest in the Marketing Assistant position at our company. After carefully reviewing all applications, our team was impressed by your background in digital communication and project coordination. Your experience reflects many of the qualities we value in a growing and creative team. At this stage, we would like to invite you to a short online interview to discuss your ideas in more detail. Details about the schedule and format will be sent to you shortly by email.

Cảm ơn cô đã quan tâm đến vị trí Trợ lý Marketing tại công ty chúng tôi. Sau khi xem xét cẩn thận tất cả các đơn đăng ký, nhóm của chúng tôi đã rất ấn tượng với nền tảng của cô về truyền thông số và điều phối dự án. Kinh nghiệm của cô phản ánh nhiều phẩm chất mà chúng tôi đánh giá cao ở một nhóm đang phát triển và sáng tạo. Ở giai đoạn này, chúng tôi muốn mời cô tham gia một cuộc phỏng vấn trực tuyến ngắn để thảo luận chi tiết hơn về ý tưởng của cô. Thông tin chi tiết về lịch trình và hình thức sẽ sớm được gửi đến cô thông qua email.

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Best regards, ABC Group	Trân trọng, Tập đoàn ABC
→ Chọn đáp án D	

Câu 14

a. Every small success, from receiving the first order to gaining loyal clients, strengthened my confidence. b. The first challenge was building a platform that looked professional while remaining easy to use for customers. c. Although the process demanded long hours and constant problem-solving, each difficulty became a lesson in persistence and creativity. d. Starting my own online business was both exciting and overwhelming. e. What began as a simple idea eventually turned into a meaningful project that continues to shape my sense of independence and growth.

A. b – c – a – e – d

✓ **B. d – b – a – c – e**

C. b – a – e – c – d

D. d – e – c – a – b

→ **Chọn đáp án đúng: B. d – b – a – c – e**

Kiến thức: Sắp xếp đoạn văn	
DỊCH BÀI	
Starting my own online business was both exciting and overwhelming. The first challenge was building a platform that looked professional while remaining easy to use for customers. Every small success, from receiving the first order to gaining loyal clients, strengthened my confidence. Although the process demanded long hours and constant problem-solving, each difficulty became a lesson in persistence and creativity. What began as a simple idea eventually turned into a meaningful project that continues to shape my sense of independence and growth.	Bắt đầu công việc kinh doanh trực tuyến của riêng mình thì vừa thú vị vừa choáng ngợp. Thử thách đầu tiên là xây dựng một nền tảng trông chuyên nghiệp nhưng vẫn dễ sử dụng cho khách hàng. Mỗi thành công nhỏ, từ việc nhận được đơn đặt hàng đầu tiên cho đến việc có được những khách hàng trung thành, đều củng cố niềm tin của tôi. Mặc dù quá trình này đòi hỏi nhiều giờ và phải giải quyết vấn đề liên tục, nhưng mỗi khó khăn đều trở thành bài học về sự kiên trì và sáng tạo. Những gì bắt đầu như một ý tưởng đơn giản cuối cùng đã trở thành một dự án có ý nghĩa, tiếp tục hình thành ý thức tự lập và sự phát triển của tôi.
→ Chọn đáp án B	

Câu 15

a. What begins as a quick search for answers gradually shapes how they interpret every ache or symptom, giving online information the authority once reserved for doctors. b. That shift in trust changes not only how people act but how they think about illness itself, blurring the line between awareness and anxiety. c. The very technology that promises reassurance often becomes the source of worry it was meant to ease. d. The more they read, the more uncertain they feel, yet stepping away seems harder each time. e. People increasingly turn to the Internet for health advice, often seeking comfort rather than knowledge.

A. c – e – b – d – a

B. e – d – a – c – b

C. c – b – d – a – e

✓ **D. e – a – b – d – c**

→ **Chọn đáp án đúng: D. e – a – b – d – c**

Kiến thức: Sắp xếp đoạn văn	
DỊCH BÀI	
People increasingly turn to the Internet for health advice, often seeking comfort rather than knowledge. What begins as a quick search for answers gradually	Mọi người ngày càng tìm đến Internet để nhận lời khuyên về sức khỏe, thường tìm kiếm sự an ủi hơn là kiến thức. Những gì bắt đầu như là một sự tìm kiếm

<p>shapes how they interpret every ache or symptom, giving online information the authority once reserved for doctors. That shift in trust changes not only how people act but how they think about illness itself, blurring the line between awareness and anxiety. The more they read, the more uncertain they feel, yet stepping away seems harder each time. The very technology that promises reassurance often becomes the source of worry it was meant to ease.</p>	<p>nhanh các câu trả lời dần dần định hình cách họ diễn giải mọi cơn đau hoặc triệu chứng, cho phép thông tin trực tuyến có thẩm quyền mà đã từng dành cho bác sĩ. Sự thay đổi niềm tin đó không chỉ thay đổi cách mọi người hành động mà còn cả cách họ nghĩ về bệnh tật, làm mờ đi ranh giới giữa nhận thức và sự lo lắng. Càng đọc, họ càng cảm thấy không chắc chắn, nhưng việc tránh xa dường như càng khó khăn hơn cho mỗi lần. Chính công nghệ hứa hẹn mang lại sự yên tâm thường lại trở thành nguồn gốc của nỗi lo lắng mà lẽ ra nó phải xoa dịu.</p>
<p>→ Chọn đáp án D</p>	

Câu 16

a. Nam: True, but some people say we're forgetting our own traditions. b. Linh: I like how schools now celebrate foreign festivals. It helps us learn about different cultures. c. Nam: Yeah, it sounds fun! They'll have costumes, games, and even a small parade. d. Linh: I think that celebrating both Vietnamese and foreign festivals makes our culture richer. e. Linh: Did you see the international club's plan to celebrate Halloween this year?

A. b – c – e – a – d

B. d – a – e – c – b

✓ **C. e – c – b – a – d**

D. d – c – b – a – e

→ **Chọn đáp án đúng: C. e – c – b – a – d**

<p>Kiến thức: Sắp xếp đoạn hội thoại 5 câu</p>	
<p>DỊCH BÀI</p>	
- Linh: Did you see the international club's plan to celebrate Halloween this year?	- Linh: Cậu có thấy kế hoạch tổ chức Halloween năm nay của câu lạc bộ quốc tế không?
- Nam: Yeah, it sounds fun! They'll have costumes, games, and even a small parade.	- Nam: Ừ, nghe vui quá! Họ sẽ có những trang phục, trò chơi và thậm chí là một cuộc diễu hành nhỏ.
- Linh: I like how schools now celebrate foreign festivals. It helps us learn about different cultures.	- Linh: Tớ thích cách các trường học tổ chức lễ hội nước ngoài hiện nay. Nó giúp chúng ta tìm hiểu về các nền văn hóa khác nhau.
- Nam: True, but some people say we're forgetting our own traditions.	- Nam: Đúng vậy, nhưng có người nói chúng ta đang quên mất đi những truyền thống của mình.
- Linh: I think that celebrating both Vietnamese and foreign festivals makes our culture richer.	- Linh: Tớ nghĩ việc tổ chức lễ hội của cả Việt Nam và nước ngoài làm cho văn hóa nước ta phong phú hơn.
<p>→ Chọn đáp án C</p>	

Câu 17

a. Minh: Nature's getting more unpredictable these days, and that really worries me. b. Lan: Yes, it happened so suddenly that people didn't even have time to move their cars. c. Minh: Did you see the news about the flash floods last night? The whole street turned into a river.

A. a – b – c

✓ **B. c – b – a**

C. a – c – b

D. b – a – c

→ **Chọn đáp án đúng: B. c – b – a**

Kiến thức: Sắp xếp đoạn hội thoại 3 câu

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

DỊCH BÀI	
- Minh: Did you see the news about the flash floods last night? The whole street turned into a river.	- Minh: Cậu có xem tin tức về trận lũ quét tối qua không? Cả con đường biến thành một con sông.
- Lan: Yes, it happened so suddenly that people didn't even have time to move their cars.	- Lan: Tớ có xem, nó xảy ra quá đột ngột đến nỗi mọi người thậm chí còn không có thời gian để di chuyển xe của họ.
- Minh: Nature's getting more unpredictable these days, and that really worries me.	- Minh: Thiên nhiên dạo này ngày càng khó lường, điều đó làm tớ thật sự lo lắng.
→ Chọn đáp án B	

Question 18-22

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22. In cities where concrete dominates and green spaces vanish, rooftop gardens are transforming skylines. These elevated patches of greenery—miniature ecosystems above the chaos—offer not only beauty but also relief from urban heat. Many residents, inspired by the idea that “a city should breathe as people do,” now convert unused rooftops into vibrant gardens filled with herbs, vegetables, and flowers.

What was once considered impractical (18) _____, a reminder that innovation and nature can coexist. While each rooftop garden serves a unique purpose, all share common goals: reducing heat, improving air quality, and strengthening community bonds. When designed with native plants and efficient irrigation systems, these green spaces lower energy costs, filter pollutants, and (19) _____. Even offices, aware that mental well-being and productivity are intertwined, have begun installing green terraces (20) _____. Acting as both insulation and inspiration, rooftop gardens illustrate how architecture and ecology can thrive side by side. For many urban dwellers, what matters most is not merely the view (21) _____. Seeing seedlings grow reminds them that progress, though measured in steel and glass, still depends on balance. Flourishing quietly above the noise below, rooftop gardens—proof that sustainability begins where imagination meets necessity—(22) _____.

DỊCH BÀI

DỊCH BÀI	
In cities where concrete dominates and green spaces vanish, rooftop gardens are transforming skylines. These elevated patches of greenery - miniature ecosystems above the chaos - offer not only beauty but also relief from urban heat. Many residents, inspired by the idea that “a city should breathe as people do,” now convert unused rooftops into vibrant gardens filled with herbs, vegetables, and flowers. What was once considered impractical has become a symbol of sustainable living, a reminder that innovation and nature can coexist.	Ở những thành phố nơi bê tông thống trị và không gian xanh biến mất, những khu vườn trên sân thượng đang biến đổi cảnh quan đô thị. Những mảng xanh trên cao này – những hệ sinh thái thu nhỏ bên trên sự hỗn loạn - không chỉ mang đến vẻ đẹp mà còn là sự giải tỏa khỏi cái nóng đô thị. Nhiều cư dân, được truyền cảm hứng từ ý tưởng rằng “một thành phố nên thở như con người”, giờ đây đã biến những mái nhà không sử dụng thành những khu vườn rực rỡ đầy thảo mộc, rau củ và hoa. Những gì từng được coi là không thực tế đã trở thành biểu tượng của lối sống bền vững, một lời nhắc nhở rằng sự đổi mới và thiên nhiên có thể cùng tồn tại.
While each rooftop garden serves a unique purpose, all share common goals: reducing heat, improving air quality, and strengthening community bonds. When designed with native plants and efficient irrigation systems, these green spaces lower energy costs, filter pollutants, and create habitats for birds and insects. Even offices, aware that mental well-being and productivity are intertwined, have begun installing green terraces where employees can relax during breaks. Acting as both insulation and inspiration, rooftop gardens illustrate how architecture and	Mặc dù mỗi khu vườn trên sân thượng phục vụ một mục đích riêng nhưng tất cả đều có chung mục tiêu: giảm nhiệt độ, cải thiện chất lượng không khí và tăng cường sự gắn kết cộng đồng. Khi được thiết kế với các loài thực vật bản địa và hệ thống tưới tiêu hiệu quả, những không gian xanh này sẽ giảm chi phí năng lượng, lọc các chất ô nhiễm và tạo môi trường sống cho chim và côn trùng. Ngay cả các văn phòng, nhận thức được rằng sức khỏe tinh thần và năng suất làm việc có mối liên hệ mật thiết với nhau, cũng đã bắt đầu lắp đặt những sân thượng xanh, nơi mà nhân viên có

ecology can thrive side by side.	thể thư giãn trong giờ giải lao. Đóng vai trò vừa là vật cách nhiệt vừa là nguồn cảm hứng, những khu vườn trên sân thượng minh họa cách kiến trúc và sinh thái học có thể phát triển mạnh mẽ song song với nhau.
For many urban dwellers, what matters most is not merely the view but the sense of renewal these gardens bring. Seeing seedlings grow reminds them that progress, though measured in steel and glass, still depends on balance. Flourishing quietly above the noise below, rooftop gardens - proof that sustainability begins where imagination meets necessity - stand as living testaments to cities learning to heal themselves.	Đối với nhiều cư dân thành thị, điều quan trọng nhất không chỉ là cảnh quan mà còn là cảm giác đổi mới mà những khu vườn này mang lại. Việc nhìn thấy cây con lớn lên nhắc nhở họ rằng sự tiến bộ, dù được đo bằng thép và kính, vẫn phụ thuộc vào sự cân bằng. Phát triển lặng lẽ phía trên sự ồn ào bên dưới, những khu vườn trên sân thượng - bằng chứng cho thấy sự bền vững bắt đầu từ nơi trí tưởng tượng đáp ứng nhu cầu thiết yếu - là minh chứng sống cho việc các thành phố đang học cách tự chữa lành.

Câu 18

A. that has symbolised sustainable living

✓ **B. has become a symbol of sustainable living**

C. while symbolising sustainable living

D. a symbol of sustainable living

→ **Chọn đáp án đúng:** B. has become a symbol of sustainable living

Kiến thức: Các loại mệnh đề

Ta có 'What was once considered impractical' là mệnh đề danh từ đóng vai trò làm chủ ngữ chính nên ta cần một động từ chính có chia thì.

- Loại A vì là mệnh đề quan hệ.

- Loại C vì là mệnh đề trạng ngữ rút gọn.

- Loại D vì là cụm danh từ.

- B đúng vì 'has become' là động từ chia thì hiện tại hoàn thành.

Tạm dịch:

What was once considered impractical has become a symbol of sustainable living, a reminder that innovation and nature can coexist. (Những gì từng được coi là không thực tế đã trở thành biểu tượng của lối sống bền vững, một lời nhắc nhở rằng sự đổi mới và thiên nhiên có thể cùng tồn tại.)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 19

A. becoming habitats for birds and insects

✓ **B. create habitats for birds and insects**

C. whose habitats for birds and insects

D. habitats are created for birds and insects

→ **Chọn đáp án đúng:** B. create habitats for birds and insects

Kiến thức: Phép song hành

Ta có liên từ 'and' nên ta cần một động từ nguyên mẫu không 'to' để song hành với 'lower' và 'filter' ở phía trước.

- Loại A vì là hiện tại phân từ 'becoming'.

- Loại C vì là mệnh đề quan hệ.

- Loại D vì là mệnh đề độc lập.

- B đúng vì 'create' là động từ nguyên mẫu không 'to'.

Tạm dịch:

When designed with native plants and efficient irrigation systems, these green spaces lower energy costs, filter pollutants, and create habitats for birds and insects. (Khi được thiết kế với các loài thực vật bản địa và hệ thống tưới tiêu hiệu quả, những không gian xanh này sẽ giảm chi phí năng lượng, lọc các chất ô

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

nhằm và tạo môi trường sống cho chim và côn trùng.)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 20

- A. if breaks become relaxing for employees
- B. while employees find breaks relaxing
- C. thanks to the relaxing breaks for employees

✓ **D. where employees can relax during breaks**

→ **Chọn đáp án đúng:** D. where employees can relax during breaks

Kiến thức: Các loại mệnh đề

Ta thấy câu đã có chủ ngữ chính ‘offices’ và động từ chính ‘have begun’ nên chỗ trống ta có thể điền một mệnh đề trạng ngữ hoặc mệnh đề quan hệ/mệnh đề quan hệ rút gọn.

- Loại A vì ‘nếu giờ giải lao trở thành thư giãn cho nhân viên’ không phù hợp ngữ nghĩa.
- Loại B vì ‘trong khi nhân viên thấy những giờ giải lao thư giãn’ không phù hợp ngữ nghĩa.
- Loại C vì ‘nhờ có những giờ giải lao thư giãn cho nhân viên’ không phù hợp ngữ nghĩa.
- D đúng vì trạng từ quan hệ ‘where’ thay cho trạng ngữ chỉ nơi chốn, ‘...green terraces on which (= where) employees can relax during breaks’.

Tạm dịch:

Even offices, aware that mental well-being and productivity are intertwined, have begun installing green terraces where employees can relax during breaks. (Ngay cả các văn phòng, nhận thức được rằng sức khỏe tinh thần và năng suất làm việc có mối liên hệ mật thiết với nhau, cũng đã bắt đầu lắp đặt những sân thượng xanh, nơi mà nhân viên có thể thư giãn trong giờ giải lao.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 21

- A. but these gardens whose sense of renewal is brought
- B. but the sense of renewal is brought to these gardens
- ✓ **C. but the sense of renewal these gardens bring**
- D. but these gardens bring the sense of renewal

→ **Chọn đáp án đúng:** C. but the sense of renewal these gardens bring

Kiến thức: Phép song hành

Ta có cấu trúc liên từ liên quan ‘not...but’ (không chỉ...mà còn) nên sau ‘but’ ta cần danh từ/cụm danh từ để song hành với cụm danh từ ‘the view’ ở phía trước.

- Loại A vì ‘mà còn là những khu vườn mà cảm giác đổi mới của chúng được mang lại’ không phù hợp về ngữ nghĩa.
- Loại B vì ‘the sense of renewal is brought to these gardens’ là mệnh đề.
- Loại D vì ‘these gardens bring the sense of renewal’ là mệnh đề.
- C đúng vì ‘the sense of renewal these gardens bring’ là cụm danh từ.

Tạm dịch:

For many urban dwellers, what matters most is not merely the view but the sense of renewal these gardens bring. (Đối với nhiều cư dân thành thị, điều quan trọng nhất không chỉ là cảnh quan mà còn là cảm giác đổi mới mà những khu vườn này mang lại.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 22

- A. learn to heal cities as standing testaments to their living
- ✓ **B. stand as living testaments to cities learning to heal themselves**
- C. live as standing testaments to learning about healing cities
- D. stand as learning testaments to heal living cities

→ **Chọn đáp án đúng:** B. stand as living testaments to cities learning to heal themselves

Kiến thức: Các loại mệnh đề

Ta có câu đã có chủ ngữ chính ‘rooftop gardens’ và ‘proof that sustainability begins where imagination meets necessity’ là ngữ đồng vị dùng để giải thích cho chủ ngữ chính nên ta cần một động từ chính có chia thì.

- Loại A vì ‘học cách chữa lành các thành phố như những minh chứng vững chắc cho cuộc sống của họ’ không phù hợp về ngữ nghĩa.
- Loại C vì ‘sống như những minh chứng vững chắc cho việc học hỏi về các thành phố chữa lành’ không phù hợp về ngữ nghĩa.
- Loại D vì ngữ nghĩa ‘là minh chứng học tập để chữa lành những thành phố đang tồn tại’ không phù hợp.
- B đúng vì ngữ nghĩa ‘là minh chứng sống cho việc các thành phố đang học cách tự chữa lành’ hoàn toàn phù hợp.

Tạm dịch:

Flourishing quietly above the noise below, rooftop gardens - proof that sustainability begins where imagination meets necessity - stand as living testaments to cities learning to heal themselves. (Phát triển lặng lẽ phía trên sự ồn ào bên dưới, những khu vườn trên sân thượng - bằng chứng cho thấy sự bền vững bắt đầu từ nơi trí tưởng tượng đáp ứng nhu cầu thiết yếu - là minh chứng sống cho việc các thành phố đang học cách tự chữa lành.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 23-30

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions from 23 to 30. Have you ever wondered why people often catch themselves singing while having a shower or making dinner? Or why karaoke has been popular since it appeared in the 1980s? We still have to understand a lot about the effects of music on our brain, but many studies already show it is good for our mind and our body alike. All types of singing can make you feel better, but group singing has the best effects on people’s lives. Performing as part of a group — whether in a choir, a band, or even at a casual karaoke night — helps people feel connected and supported. This shared experience builds confidence and reduces anxiety, especially for those struggling with low self-esteem or depression. When you sing, you have to focus on breathing, rhythm, and melody, which leaves no room for overthinking or worrying about everyday problems. In that moment, your attention is entirely present, and stress naturally fades away. Beyond emotional health, singing also supports language and communication development. Children who sing regularly tend to learn words faster, pronounce them more clearly, and express their ideas with greater confidence. Because singing involves remembering lyrics and matching them to tunes, it strengthens memory and concentration — skills that are equally critical for learning a foreign language. Many learners say that singing along to English songs helps them sound more natural and improves their sense of rhythm and intonation. The benefits don’t stop at the mind. Singing can also strengthen the body. Since it requires controlled breathing, it helps your lungs function more effectively, increasing oxygen levels in your blood. This process improves circulation and boosts your immune system, making you more resistant to illness. So if you decide to take up a new hobby, singing could be the best way for you to have fun, make new friends and improve your health at the same time.

DỊCH BÀI

DỊCH BÀI	
Have you ever wondered why people often catch themselves singing while having a shower or making dinner? Or why karaoke has been popular since it appeared in the 1980s? We still have to understand a lot about the effects of music on our brain, but many studies already show it is good for our mind and our body alike.	Bạn đã bao giờ tự hỏi tại sao mọi người thường hay hát khi đang tắm hoặc đang nấu bữa tối không? Hay tại sao karaoke lại phổ biến kể từ khi nó xuất hiện vào những năm 1980? Chúng ta vẫn cần phải hiểu nhiều về tác động của âm nhạc lên não bộ, nhưng nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng nó tốt cho cả tâm trí cũng như cơ thể của chúng ta.
All types of singing can make you feel better, but group singing has the best effects on people’s lives.	Tất cả các loại hình ca hát đều có thể khiến bạn cảm thấy tốt hơn, nhưng ca hát tập thể có tác dụng tốt nhất

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

<p>Performing as part of a group - whether in a choir, a band, or even at a casual karaoke night - helps people feel connected and supported. This shared experience builds confidence and reduces anxiety, especially for those struggling with low self-esteem or depression. When you sing, you have to focus on breathing, rhythm, and melody, which leaves no room for overthinking or worrying about everyday problems. In that moment, your attention is entirely present, and stress naturally fades away.</p>	<p>đến cuộc sống của con người. Việc biểu diễn như một phần của một nhóm - dù là trong dàn hợp xướng, ban nhạc hay thậm chí trong một đêm hát karaoke thông thường - giúp mọi người cảm thấy được kết nối và được hỗ trợ. Trải nghiệm chung này giúp xây dựng sự tự tin và giảm bớt lo lắng, đặc biệt đối với những người đang phải vật lộn với lòng tự trọng thấp hoặc trầm cảm. Khi hát, bạn phải tập trung vào hơi thở, nhịp điệu và giai điệu, điều này không có chỗ cho việc suy nghĩ quá nhiều hoặc lo lắng về các vấn đề hàng ngày. Trong khoảnh khắc đó, sự chú ý của bạn hoàn toàn ở hiện tại và căng thẳng tự nhiên biến mất.</p>
<p>Beyond emotional health, singing also supports language and communication development. Children who sing regularly tend to learn words faster, pronounce them more clearly, and express their ideas with greater confidence. Because singing involves remembering lyrics and matching them to tunes, it strengthens memory and concentration - skills that are equally critical for learning a foreign language. Many learners say that singing along to English songs helps them sound more natural and improves their sense of rhythm and intonation.</p>	<p>Ngoài sức khỏe về mặt cảm xúc, ca hát còn hỗ trợ phát triển ngôn ngữ và giao tiếp. Trẻ em hát thường xuyên có xu hướng học từ nhanh hơn, phát âm rõ ràng hơn và diễn đạt ý tưởng của mình với sự tự tin lớn hơn. Bởi vì ca hát liên quan đến việc ghi nhớ lời bài hát và ghép chúng theo giai điệu nên nó tăng cường trí nhớ và sự tập trung - những kỹ năng quan trọng không kém khi học ngoại ngữ. Nhiều người học nói rằng việc hát theo các bài hát tiếng Anh giúp họ có âm điệu tự nhiên hơn và cải thiện cảm nhận về nhịp điệu và ngữ điệu.</p>
<p>The benefits don't stop at the mind. Singing can also strengthen the body. Since it requires controlled breathing, it helps your lungs function more effectively, increasing oxygen levels in your blood. This process improves circulation and boosts your immune system, making you more resistant to illness. So if you decide to take up a new hobby, singing could be the best way for you to have fun, make new friends and improve your health at the same time.</p>	<p>Những lợi ích không dừng lại ở tâm trí. Ca hát cũng có thể tăng cường sức khỏe cơ thể. Vì nó đòi hỏi phải kiểm soát nhịp thở nên nó giúp phổi của bạn hoạt động hiệu quả hơn, làm tăng nồng độ oxy trong máu. Quá trình này cải thiện lưu thông máu và tăng cường hệ thống miễn dịch của bạn, giúp bạn có khả năng chống lại bệnh tật tốt hơn. Vì vậy, nếu bạn quyết định theo đuổi một sở thích mới, ca hát có thể là cách tốt nhất để bạn vừa giải trí, vừa kết bạn mới và cải thiện sức khỏe cùng một lúc.</p>

Câu 23

The word **it** in paragraph 1 refers to _____.

- A. singing
- ✓ **B. karaoke**
- C. music
- D. dinner

→ **Chọn đáp án đúng:** B. karaoke

Kiến thức: Từ quy chiếu

Từ "**it**" trong đoạn 1 ám chỉ đến _____.

- A. việc ca hát
- B. karaoke**
- C. âm nhạc
- D. bữa tối

- Từ "**it**" trong đoạn 1 ám chỉ đến "karaoke".

Thông tin:

Or why karaoke has been popular since **it** appeared in the 1980s? (Hay tại sao karaoke lại phổ biến kể từ khi nó xuất hiện vào những năm 1980?)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 24

Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 2? All types of singing can make you feel better, but group singing has the best effects on people's lives.

- A. While all types of singing can bring benefits, singing in groups is the only way to improve your mood.
- B. No type of singing is more effective than group singing in terms of cheering an individual up.
- C. All types of singing have the same effect, but group singing is just a preference for uplifting a person.
- ✓ **D. Group singing has the most significant impact on people's lives, but all types of singing can improve your mood.**

→ **Chọn đáp án đúng:** D. Group singing has the most significant impact on people's lives, but all types of singing can improve your mood.

Kiến thức: Paraphrasing

Câu nào sau đây diễn giải tốt nhất câu được gạch chân ở đoạn 2?

Tất cả các loại hình ca hát đều có thể khiến bạn cảm thấy tốt hơn, nhưng ca hát tập thể có tác dụng tốt nhất đến cuộc sống của con người.

- A. Mặc dù tất cả các loại hình ca hát đều có thể mang lại lợi ích nhưng ca hát tập thể là cách duy nhất để cải thiện tâm trạng của bạn. → Sai ở 'the only way' so với 'has the best effects' (có tác dụng tốt nhất) trong câu gốc.
- B. Không có loại hình ca hát nào hiệu quả hơn ca hát tập thể trong việc làm một người vui lên. → Sai vì 'in terms of cheering an individual up' bị thu hẹp phạm vi so với 'has the best effects on people's lives' (có tác dụng tốt nhất đến cuộc sống của con người) trong câu gốc.
- C. Mọi loại hình ca hát đều có tác dụng như nhau, nhưng hát tập thể chỉ là một sự ưu tiên để nâng cao tinh thần của một người. → Sai vì câu gốc không đề cập 'the same effect'.
- D. Việc hát tập thể có tác động đáng kể nhất đến cuộc sống của mọi người, nhưng tất cả các loại hình ca hát đều có thể cải thiện tâm trạng của bạn. → Diễn giải tốt nhất ngữ nghĩa của câu gốc.

Thông tin:

All types of singing can make you feel better, but group singing has the best effects on people's lives. (Tất cả các loại hình ca hát đều có thể khiến bạn cảm thấy tốt hơn, nhưng ca hát tập thể có tác dụng tốt nhất đến cuộc sống của con người.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 25

The word critical in paragraph 3 is closest in meaning to _____.

- A. experienced
- B. responsible
- ✓ **C. valuable**
- D. wealthy

→ **Chọn đáp án đúng:** C. valuable

Kiến thức: Từ vựng đồng nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

Từ "**critical**" trong đoạn 3 có nghĩa gần nhất với _____.

- A. experienced /ɪk'spiəriənst/ (adj): có kinh nghiệm, từng trải
- B. responsible /rɪ'spɒnsəbl/ (adj): có trách nhiệm
- C. valuable /'væljuəbl/ (adj): quý giá
- D. wealthy /'welθi/ (adj): giàu có, thịnh vượng
- critical /'krɪtɪkl/ (adj): quan trọng, thiết yếu = valuable (adj)

Thông tin:

Because singing involves remembering lyrics and matching them to tunes, it strengthens memory and concentration - skills that are equally **critical** for learning a foreign language. (Bởi vì ca hát liên quan đến việc ghi nhớ lời bài hát và ghép chúng theo giai điệu nên nó tăng cường trí nhớ và sự tập trung - những kỹ

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

năng quan trọng không kém khi học ngoại ngữ.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 26

The word resistant in paragraph 4 is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. avoidable
- B. healthy
- C. protected
- ✓ **D. vulnerable**

→ **Chọn đáp án đúng: D. vulnerable**

Kiến thức: Từ vựng trái nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

Từ “**resistant**” trong đoạn 4 có nghĩa **TRÁI NGƯỢC** với _____.

- A. avoidable /ə'vɔɪdəbl/ (adj): có thể tránh được
 - B. healthy /'helθi/ (adj): khỏe mạnh
 - C. protected /prə'tektɪd/ (adj): được bảo vệ, được che chở
 - D. vulnerable /'vʌlnərəbl/ (adj): dễ bị tổn thương
- resistant /rɪ'zɪstənt/ (adj): có sức đề kháng, chống lại được (cái gì đó) >< vulnerable (adj)

Thông tin:

This process improves circulation and boosts your immune system, making you more **resistant** to illness. (Quá trình này cải thiện lưu thông máu và tăng cường hệ thống miễn dịch của bạn, giúp bạn có khả năng chống lại bệnh tật tốt hơn.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 27

Which of the following is NOT mentioned in the passage as a benefit of singing?

- A. reducing anxiety
- B. improving physical health
- ✓ **C. boosting independent learning**
- D. building confidence

→ **Chọn đáp án đúng: C. boosting independent learning**

Kiến thức: Tìm thông tin không có trong đoạn

Điều nào sau đây **KHÔNG** được đề cập trong bài đọc như một lợi ích của việc ca hát?

- A. giảm lo lắng
- B. cải thiện sức khỏe thể chất
- C. thúc đẩy việc học tập độc lập
- D. xây dựng sự tự tin

Thông tin:

+ This shared experience builds confidence and reduces anxiety, especially for those struggling with low self-esteem or depression. (Trải nghiệm chung này giúp xây dựng sự tự tin và giảm bớt lo lắng, đặc biệt đối với những người đang phải vật lộn với lòng tự trọng thấp hoặc trầm cảm.)

→ A và D được đề cập trong bài đọc là lợi ích của việc ca hát.

+ Singing can also strengthen the body. (Ca hát cũng có thể tăng cường sức khỏe cơ thể.)

→ B được đề cập trong bài đọc là lợi ích của việc ca hát.

→ C không được đề cập trong bài đọc như một lợi ích của việc ca hát.

→ **Chọn đáp án C**

Câu 28

Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. Unlike other physical activities, singing requires controlled breathing and concentration.
- B. When people feel connected and supported, they tend to perform as part of a group.

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

C. Until recently, humans realised how important music was to their body and mind.

✓ **D. Singing helps improve pronunciation, making it an effective way to learn language skills.**

→ **Chọn đáp án đúng:** D. Singing helps improve pronunciation, making it an effective way to learn language skills.

Kiến thức: TRUE/ NOT TRUE/ NOT MENTIONED

Điều nào sau đây là ĐÚNG theo bài đọc?

A. Không giống như các hoạt động thể chất khác, ca hát đòi hỏi phải kiểm soát hơi thở và sự tập trung.

B. Khi mọi người cảm thấy được kết nối và được hỗ trợ, họ có xu hướng biểu diễn như một phần của nhóm.

C. Cho đến gần đây, con người mới nhận ra âm nhạc quan trọng như thế nào đối với cơ thể và tâm trí của họ.

D. Ca hát giúp cải thiện phát âm, khiến nó trở thành một cách hiệu quả để học các kỹ năng ngôn ngữ.

Thông tin:

+ Because singing involves remembering lyrics and matching them to tunes, it strengthens memory and concentration - skills that are equally critical for learning a foreign language. (Bởi vì ca hát liên quan đến việc ghi nhớ lời bài hát và ghép chúng theo giai điệu nên nó tăng cường trí nhớ và sự tập trung - những kỹ năng quan trọng không kém khi học ngoại ngữ.)

+ Since it requires controlled breathing, it helps your lungs function more effectively, increasing oxygen levels in your blood. (Vì nó đòi hỏi phải kiểm soát nhịp thở nên nó giúp phổi của bạn hoạt động hiệu quả hơn, làm tăng nồng độ oxy trong máu.)

→ A sai ở 'Unlike other physical activities' vì bài đọc không so sánh ca hát với các hoạt động thể chất khác.

+ Performing as part of a group - whether in a choir, a band, or even at a casual karaoke night - helps people feel connected and supported. (Việc biểu diễn như một phần của một nhóm - dù là trong dàn hợp xướng, ban nhạc hay thậm chí trong một đêm hát karaoke thông thường - giúp mọi người cảm thấy được kết nối và được hỗ trợ.)

→ B sai logic mối quan hệ nhân quả, câu gốc là việc biểu diễn như một phần của một nhóm giúp mọi người cảm thấy được kết nối và được hỗ trợ.

+ We still have to understand a lot about the effects of music on our brain, but many studies already show it is good for our mind and our body alike. (Chúng ta vẫn cần phải hiểu nhiều về tác động của âm nhạc lên não bộ, nhưng nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng nó tốt cho cả tâm trí cũng như cơ thể của chúng ta.)

→ C sai vì không có thông tin đề cập 'chỉ mới gần đây thì con người mới nhận ra tầm quan trọng của âm nhạc đối với cơ thể và tâm trí' mà chỉ nói rằng đã có nhiều nghiên cứu cho thấy âm nhạc tốt cho cơ thể và tâm trí nhưng chúng ta vẫn còn phải tìm hiểu thêm.

+ Children who sing regularly tend to learn words faster, pronounce them more clearly, and express their ideas with greater confidence. (Trẻ em hát thường xuyên có xu hướng học từ nhanh hơn, phát âm rõ ràng hơn và diễn đạt ý tưởng của mình với sự tự tin lớn hơn.)

+ Many learners say that singing along to English songs helps them sound more natural and improves their sense of rhythm and intonation. (Nhiều người học nói rằng việc hát theo các bài hát tiếng Anh giúp họ có âm điệu tự nhiên hơn và cải thiện cảm nhận về nhịp điệu và ngữ điệu.)

→ D đúng.

→ **Chọn đáp án D**

Câu 29

Which paragraph mentions an age group that benefits from regular singing?

A. Paragraph 1

B. Paragraph 2

✓ **C. Paragraph 3**

D. Paragraph 4

→ **Chọn đáp án đúng:** C. Paragraph 3

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Kiến thức: Tìm đoạn chứa thông tin

Đoạn văn nào đề cập đến nhóm tuổi được hưởng lợi từ việc ca hát thường xuyên?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

Thông tin:

Children who sing regularly tend to learn words faster, pronounce them more clearly, and express their ideas with greater confidence. (Trẻ em hát thường xuyên có xu hướng học từ nhanh hơn, phát âm rõ ràng hơn và diễn đạt ý tưởng của mình với sự tự tin lớn hơn.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 30

Which paragraph makes a suggestion?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2
- C. Paragraph 3
- ✓ **D. Paragraph 4**

→ **Chọn đáp án đúng: D. Paragraph 4**

Kiến thức: Tìm đoạn chứa thông tin

Đoạn văn nào đưa ra một lời gợi ý?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

Thông tin:

So if you decide to take up a new hobby, singing could be the best way for you to have fun, make new friends and improve your health at the same time. (Vì vậy, nếu bạn quyết định theo đuổi một sở thích mới, ca hát có thể là cách tốt nhất để bạn vừa giải trí, vừa kết bạn mới và cải thiện sức khỏe cùng một lúc.)

→ **Chọn đáp án D**

Question 31-40

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions from 31 to 40. Every day we face challenges at school, work or in our personal lives, and we need to develop the skills to deal with them. Computer skills, for example, are vital for most activities we carry out in our daily lives as well as helping you with studying. When we are young, we are able to learn basic social skills but there are other important skills that can be more challenging to acquire. (I)For example, there are many video games which can help us to develop problem-solving skills. (II) Some games help develop patience and perseverance skills by continuing to increase the level of difficulty. They constantly place obstacles in your path until you reach the solution. As a result of playing these games, players can develop confidence, as being able to overcome the obstacles gives you a real sense of achievement. Patience, perseverance and overcoming difficulties are three essential skills in everyday life. (III)As humans we often learn through mistakes, however some mistakes would be best avoided. Video games can expose you to making decisions in the virtual world by allowing you to choose your characters' actions and then showing you the results of these actions. This may help you make more informed choices in the real world. However beneficial these games may be, there are things to remember. Too much screen time can isolate you from the real world and if you play multi-player games online, then you need to be sure who you are playing with. It's also vital to make sure that you are not running up a huge bill in games that you pay for online. Links between schools and video games developers have resulted in more games focused on developing life skills. The not-for-profit organisation, Makerspace, has developed an education programme based around games in conjunction with Minecraft. The programme claims

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

that 30 minutes of video play in the classroom can improve planning skills, memory and motor skills. (IV) As well as developing life skills, having excellent computer skills could also help you with a future career. So, play on and learn two valuable lessons at the same time.

DỊCH BÀI

DỊCH BÀI	
Every day we face challenges at school, work or in our personal lives, and we need to develop the skills to deal with them. Computer skills, for example, are vital for most activities we carry out in our daily lives as well as helping you with studying. When we are young, we are able to learn basic social skills but there are other important skills that can be more challenging to acquire. Surprisingly, video games can often help us to master these.	Mỗi ngày, chúng ta phải đối mặt với những thử thách ở trường học, nơi làm việc hoặc trong cuộc sống cá nhân và chúng ta cần phát triển các kỹ năng để giải quyết chúng. Ví dụ, kỹ năng máy tính rất quan trọng đối với hầu hết các hoạt động chúng ta thực hiện trong cuộc sống hàng ngày cũng như hỗ trợ việc học tập. Khi còn trẻ, chúng ta có thể học các kỹ năng xã hội cơ bản nhưng có những kỹ năng quan trọng khác có thể khó đạt được hơn. Đáng ngạc nhiên là trò chơi điện tử thường có thể giúp chúng ta thành thạo những kỹ năng này.
For example, there are many video games which can help us to develop problem-solving skills. Some games help develop patience and perseverance skills by continuing to increase the level of difficulty. They constantly place obstacles in your path until you reach the solution. As a result of playing these games, players can develop confidence, as being able to overcome the obstacles gives you a real sense of achievement. Patience, perseverance and overcoming difficulties are three essential skills in everyday life.	Ví dụ, có nhiều trò chơi điện tử có thể giúp chúng ta phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề. Một số trò chơi giúp phát triển kỹ năng kiên nhẫn và kiên trì bằng cách liên tục tăng mức độ khó. Chúng liên tục đặt chướng ngại vật trên đường đi của bạn cho đến khi bạn có được giải pháp. Nhờ chơi những trò chơi này, người chơi có thể phát triển sự tự tin vì việc có thể vượt qua các chướng ngại vật mang lại cho bạn cảm giác thành tựu thực sự. Sự kiên nhẫn, sự bền bỉ và vượt qua khó khăn là ba kỹ năng thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày.
As humans we often learn through mistakes, however some mistakes would be best avoided. Video games can expose you to making decisions in the virtual world by allowing you to choose your characters' actions and then showing you the results of these actions. This may help you make more informed choices in the real world.	Là con người, chúng ta thường học hỏi thông qua những sai lầm, tuy nhiên, một số sai lầm tốt nhất là nên tránh. Trò chơi điện tử có thể giúp bạn đưa ra quyết định trong thế giới ảo bằng cách cho phép bạn chọn hành động của nhân vật và sau đó cho bạn thấy kết quả của những hành động này. Điều này có thể giúp bạn đưa ra những lựa chọn sáng suốt hơn trong thế giới thực.
However beneficial these games may be, there are things to remember. Too much screen time can isolate you from the real world and if you play multi-player games online, then you need to be sure who you are playing with. It's also vital to make sure that you are not running up a huge bill in games that you pay for online.	Tuy nhiên, dù những trò chơi này có lợi ích đến đâu, vẫn có những điều cần nhớ. Quá nhiều thời gian sử dụng thiết bị có thể khiến bạn bị cô lập khỏi thế giới thực và nếu bạn chơi trò chơi trực tuyến nhiều người chơi thì bạn cần chắc chắn về người mà mình đang chơi cùng. Điều quan trọng nữa là phải đảm bảo rằng bạn không phải chi một khoản tiền khổng lồ trong các trò chơi mà bạn thanh toán trực tuyến.
Links between schools and video games developers have resulted in more games focused on developing life skills. The not-for-profit organisation, Makerspace, has developed an education programme based around games in conjunction with Minecraft. The programme claims that 30 minutes of video play in the classroom can improve planning skills, memory and motor skills. As well as developing life skills,	Mối liên kết giữa trường học và nhà phát triển trò chơi điện tử đã tạo ra nhiều trò chơi tập trung vào việc phát triển kỹ năng sống hơn. Tổ chức phi lợi nhuận Makerspace đã phát triển một chương trình giáo dục dựa trên các trò chơi kết hợp với Minecraft. Chương trình tuyên bố rằng 30 phút chơi trò chơi điện tử trong lớp học có thể cải thiện kỹ năng lập kế hoạch, trí nhớ và kỹ năng vận động. Cùng với việc phát triển các kỹ

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

having excellent computer skills could also help you with a future career. So, play on and learn two valuable lessons at the same time.

năng sống, việc có kỹ năng máy tính xuất sắc cũng có thể giúp ích cho sự nghiệp tương lai của bạn. Vì vậy, hãy tiếp tục chơi và học được hai bài học quý giá cùng một lúc.

Câu 31

According to paragraph 1, computer skills _____.

- A. as significant as other basic social skills
- ✓ **B. play a crucial role in dealing with daily tasks**
- C. assist us in learning when we are young
- D. require time and effort to acquire

→ **Chọn đáp án đúng:** B. play a crucial role in dealing with daily tasks

Kiến thức: Đọc hiểu thông tin chi tiết

Theo đoạn 1, kỹ năng máy tính _____.

- A. quan trọng như các kỹ năng xã hội cơ bản khác
- B. đóng một vai trò quan trọng trong việc giải quyết các công việc hàng ngày
- C. hỗ trợ chúng ta học tập khi chúng ta còn trẻ
- D. đòi hỏi thời gian và công sức để có được

Thông tin:

Computer skills, for example, are vital for most activities we carry out in our daily lives as well as helping you with studying. (Ví dụ, kỹ năng máy tính rất quan trọng đối với hầu hết các hoạt động chúng ta thực hiện trong cuộc sống hàng ngày cũng như hỗ trợ việc học tập.)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 32

The word perseverance in paragraph 2 can be best replaced by _____.

- A. responsibility
- B. qualification
- C. consistency

✓ **D. persistence**

→ **Chọn đáp án đúng:** D. persistence

Kiến thức: Từ vựng đồng nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

Từ "**perseverance**" ở đoạn 2 có thể được thay thế tốt nhất bằng _____.

- A. responsibility /rɪˌspɒnsəˈbɪləti/ (n): trách nhiệm
 - B. qualification /ˌkwɒlɪfɪˈkeɪʃn/ (n): bằng cấp, trình độ chuyên môn
 - C. consistency /kənˈsɪstənsi/ (n): sự nhất quán
 - D. persistence /pəˈsɪstəns/ (n): sự kiên trì, sự bền bỉ
- perseverance /ˌpɜːsəˈvɪərəns/ (n): sự kiên trì, sự bền bỉ = persistence (n)

Thông tin:

Some games help develop patience and **perseverance** skills by continuing to increase the level of difficulty. (Một số trò chơi giúp phát triển kỹ năng kiên nhẫn và kiên trì bằng cách liên tục tăng mức độ khó.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 33

The word They in paragraph 2 refers to _____.

- A. players
- B. obstacles
- ✓ **C. games**
- D. skills

→ **Chọn đáp án đúng:** C. games

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Kiến thức: Từ quy chiếu

Từ “**They**” trong đoạn 2 ám chỉ đến _____.

- A. người chơi
- B. chương ngại vật
- C. trò chơi
- D. kỹ năng

- Từ “**They**” trong đoạn 2 ám chỉ đến “**games**”.

Thông tin:

Some games help develop patience and perseverance skills by continuing to increase the level of difficulty. **They** constantly place obstacles in your path until you reach the solution. (Một số trò chơi giúp phát triển kỹ năng kiên nhẫn và kiên trì bằng cách liên tục tăng mức độ khó. Chúng liên tục đặt chương ngại vật trên đường đi của bạn cho đến khi bạn có được giải pháp.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 34

Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 3? As humans we often learn through mistakes, however some mistakes would be best avoided.

A. If humans could avoid all mistakes, they would never learn anything significant from their past mistakes.

B. As humans, we must learn through mistakes, even though some mistakes are best avoided at all costs.

✓ **C. As humans, we frequently learn from our mistakes, but there are some mistakes we should try to avoid.**

D. However important it is for humans to learn from mistakes, it is better to avoid some mistakes entirely.

→ **Chọn đáp án đúng:** C. As humans, we frequently learn from our mistakes, but there are some mistakes we should try to avoid.

Kiến thức: Paraphrasing

Câu nào sau đây diễn giải tốt nhất câu được gạch chân ở đoạn 3?

Là con người, chúng ta thường học hỏi thông qua những sai lầm, tuy nhiên, một số sai lầm tốt nhất là nên tránh.

A. Nếu con người có thể tránh được mọi sai lầm, họ sẽ không bao giờ học được điều gì quan trọng từ những sai lầm trong quá khứ. → Sai vì dùng câu điều kiện nên không phù hợp về ngữ nghĩa với câu gốc.

B. Là con người, chúng ta phải học hỏi từ những sai lầm, mặc dù tốt nhất nên tránh một số sai lầm bằng mọi giá. → Sai về mức độ ‘must learn’ so với ‘often learn’ và thêm nghĩa nhấn mạnh ‘at all costs’ không có trong câu gốc.

C. Là con người, chúng ta thường xuyên học hỏi từ những sai lầm của mình, nhưng có một số sai lầm chúng ta nên cố gắng tránh. → Diễn giải tốt nhất ngữ nghĩa của câu gốc.

D. Dù việc con người học hỏi từ những sai lầm có quan trọng đến đâu thì tốt hơn hết là tránh hoàn toàn một số sai lầm. → Sai vì ‘However important it is for humans to learn from mistakes’ không được đề cập trong câu gốc.

→ **Chọn đáp án C**

Câu 35

According to paragraph 3, playing video games _____.

A. assists players in making decisions in the virtual world

✓ **B. can improve real-life decision-making skills**

C. requires making wise decisions in the real world

D. exposes users to a variety of informative options

→ **Chọn đáp án đúng:** B. can improve real-life decision-making skills

Kiến thức: Đọc hiểu thông tin chi tiết

Theo đoạn 3, chơi trò chơi điện tử _____.
Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

ích chính.

B. có thể cải thiện kỹ năng ra quyết định trong đời thực

C. đòi hỏi việc đưa ra quyết định sáng suốt trong thế giới thực → Sai logic ở ‘requires’.

D. đưa người dùng đến nhiều lựa chọn thông tin khác nhau → Sai vì ‘a variety of informative options’ không được đề cập.

Thông tin:

Video games can expose you to making decisions in the virtual world by allowing you to choose your characters' actions and then showing you the results of these actions. This may help you make more informed choices in the real world. (Trò chơi điện tử có thể giúp bạn đưa ra quyết định trong thế giới ảo bằng cách cho phép bạn chọn hành động của nhân vật và sau đó cho bạn thấy kết quả của những hành động này. Điều này có thể giúp bạn đưa ra những lựa chọn sáng suốt hơn trong thế giới thực.)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 36

Which of the following best summarises paragraph 4?

A. While video games are beneficial, excessive screen time, unknown players, and potential costs are the greatest concerns to watch out for.

B. Video gaming is fun, but players must be cautious about excessive screen time and the possibility of spending too much money.

✓ **C. Despite their benefits, video games can lead to excessive screen time, unsafe interactions, and unexpected costs if not managed properly.**

D. Playing video games can be risky due to long screen time and unexpected expenses, so it's important to be careful.

→ **Chọn đáp án đúng: C.** Despite their benefits, video games can lead to excessive screen time, unsafe interactions, and unexpected costs if not managed properly.

Kiến thức: Tóm tắt nội dung đoạn trong bài đọc

Điều nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn 4?

A. Mặc dù trò chơi điện tử có lợi nhưng thời gian sử dụng quá nhiều, người chơi không xác định và chi phí tiềm ẩn là những mối quan tâm lớn nhất cần chú ý. → Sai vì ‘the greatest concerns’ không được đề cập mà thông tin chỉ nói rằng ‘excessive screen time, unknown players, and potential costs’ là những điều cần lưu ý.

B. Chơi trò chơi điện tử rất thú vị nhưng người chơi phải thận trọng về thời gian sử dụng thiết bị quá mức và khả năng chi quá nhiều tiền. → Sai vì ‘fun’ không phù hợp so với ‘beneficial’ và cũng không đề cập đến yếu tố cần lưu ý là ‘unsafe interactions’.

C. Bất chấp lợi ích của chúng, trò chơi điện tử có thể dẫn đến việc sử dụng thiết bị quá nhiều, những tương tác không an toàn và chi phí không mong muốn nếu không được quản lý đúng cách. → Tóm tắt tốt nhất nội dung chính của đoạn 4.

D. Chơi trò chơi điện tử có thể có rủi ro do thời gian dài sử dụng thiết bị và các chi phí bất ngờ, vì vậy điều quan trọng là phải cẩn thận. → Sai vì không nói đến việc có lợi ích và cũng không đề cập đến yếu tố cần lưu ý là ‘unsafe interactions’.

Tóm tắt:

Dù có lợi ích, trò chơi điện tử dẫn đến việc sử dụng thiết bị quá nhiều gây cô lập xã hội, các tương tác trực tuyến không an toàn và chi tiêu quá mức nếu không biết kiểm soát.

→ **Chọn đáp án C**

Câu 37

Which of the following is NOT mentioned in the passage?

A. Video games provide opportunities for decision-making by letting players choose their characters' actions.

B. Gamers should be aware of who they are playing with while playing multi-player games online.

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

✓ **C. Playing video games regularly equips players with the most essential life skills, turning them into well-rounded individuals.**

D. Overcoming challenges in video games can help provide players with a genuine feeling of accomplishment.

➔ **Chọn đáp án đúng:** C. Playing video games regularly equips players with the most essential life skills, turning them into well-rounded individuals.

Kiến thức: Tìm thông tin không có trong đoạn

Điều nào sau đây KHÔNG được đề cập trong bài đọc?

A. Trò chơi điện tử mang lại cơ hội cho việc đưa ra quyết định bằng cách cho phép người chơi lựa chọn hành động của nhân vật.

B. Người chơi nên biết họ đang chơi với ai khi chơi các trò chơi trực tuyến nhiều người chơi.

C. Chơi trò chơi điện tử thường xuyên trang bị cho người chơi những kỹ năng sống cần thiết nhất, biến họ thành những cá nhân toàn diện.

D. Vượt qua thử thách trong trò chơi điện tử có thể giúp mang lại cho người chơi một cảm giác thành tựu thực sự.

Thông tin:

+ Video games can expose you to making decisions in the virtual world by allowing you to choose your characters' actions and then showing you the results of these actions. (Trò chơi điện tử có thể giúp bạn đưa ra quyết định trong thế giới ảo bằng cách cho phép bạn chọn hành động của nhân vật và sau đó cho bạn thấy kết quả của những hành động này.)

→ A được đề cập.

+ Too much screen time can isolate you from the real world and if you play multi-player games online, then you need to be sure who you are playing with. (Quá nhiều thời gian sử dụng thiết bị có thể khiến bạn bị cô lập khỏi thế giới thực và nếu bạn chơi trò chơi trực tuyến nhiều người chơi thì bạn cần chắc chắn về người mà mình đang chơi cùng.)

→ B được đề cập.

+ As a result of playing these games, players can develop confidence, as being able to overcome the obstacles gives you a real sense of achievement. (Nhờ chơi những trò chơi này, người chơi có thể phát triển sự tự tin vì việc có thể vượt qua các chướng ngại vật mang lại cho bạn cảm giác thành tựu thực sự.)

→ D được đề cập.

→ C không được đề cập.

→ **Chọn đáp án C**

Câu 38

Where in the passage does the following sentence best fit? Surprisingly, video games can often help us to master these.

A. (II)

B. (IV)

C. (III)

✓ **D. (I)**

➔ **Chọn đáp án đúng:** D. (I)

Kiến thức: Chèn câu

Câu sau đây phù hợp nhất ở đâu trong bài đọc?

Đáng ngạc nhiên là trò chơi điện tử thường có thể giúp chúng ta thành thạo những kỹ năng này.

A. (II)

B. (IV)

C. (III)

D. (I)

Thông tin:

When we are young, we are able to learn basic social skills but there are other important skills that can be more challenging to acquire. Surprisingly, video games can often help us to master these. (Khi còn trẻ,

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

chúng ta có thể học các kỹ năng xã hội cơ bản nhưng có những kỹ năng quan trọng khác có thể khó đạt được hơn. Đáng ngạc nhiên là trò chơi điện tử thường có thể giúp chúng ta thành thạo những kỹ năng này.)

For example, there are many video games which can help us to develop problem-solving skills. (Ví dụ, có nhiều trò chơi điện tử có thể giúp chúng ta phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề.)

+ Câu cần điền phù hợp nhất ở vị trí (I) vì ‘these’ trong câu đang ám chỉ đến ‘other important skills’ ở câu liền trước, nói về điều bất ngờ là có thể người đọc chưa biết rằng trò chơi điện tử giúp phát triển những kỹ năng ‘quan trọng’ khác ngoài kỹ năng xã hội cơ bản và câu đầu tiên của đoạn sau đã đưa ra ví dụ minh họa.

→ **Chọn đáp án D**

Câu 39

Which of the following can be inferred from the passage?

✓ **A. Minecraft played a key role in the development of Makerspace's education programme.**

B. Studying and playing video games simultaneously equip students with vital skills.

C. The drawbacks of playing video games to children are overshadowed by its benefits.

D. Playing classroom-based games can only be beneficial with a strictly controlled duration.

→ **Chọn đáp án đúng: A.** Minecraft played a key role in the development of Makerspace's education programme.

Kiến thức: Suy luận

Điều nào sau đây có thể được suy ra từ bài đọc?

A. Minecraft đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển chương trình giáo dục của Makerspace.

B. Việc học và chơi trò chơi điện tử đồng thời trang bị cho học sinh những kỹ năng thiết yếu.

C. Những hạn chế của việc chơi trò chơi điện tử đối với trẻ em bị lu mờ bởi những lợi ích của nó.

D. Việc chơi các trò chơi trong lớp học chỉ có thể mang lại lợi ích nếu được kiểm soát nghiêm ngặt về mặt thời gian.

Thông tin:

+ As well as developing life skills, having excellent computer skills could also help you with a future career. So, play on and learn two valuable lessons at the same time. (Cùng với việc phát triển các kỹ năng sống, việc có kỹ năng máy tính xuất sắc cũng có thể giúp ích cho sự nghiệp tương lai của bạn. Vì vậy, hãy tiếp tục chơi và học được hai bài học quý giá cùng một lúc.)

→ B không thể suy ra ở ‘simultaneously’ vì cụm ‘at the same time’ được sử dụng nhưng ý nghĩa chính là chỉ kết quả của việc tích hợp trò chơi điện tử vào lớp học (khoảng 30 phút) là học sinh vừa có được kỹ năng sống và kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng máy tính) chứ không phải là ‘vừa học vừa chơi cùng một lúc’.

+ However beneficial these games may be, there are things to remember. (Tuy nhiên, dù những trò chơi này có lợi ích đến đâu, vẫn có những điều cần nhớ.)

→ C không thể suy ra ở ‘overshadowed’ vì bài đọc công nhận cả lợi ích và rủi ro, không nói rằng bên nào lớn hơn.

+ The programme claims that 30 minutes of video play in the classroom can improve planning skills, memory and motor skills. (Chương trình tuyên bố rằng 30 phút chơi trò chơi điện tử trong lớp học có thể cải thiện kỹ năng lập kế hoạch, trí nhớ và kỹ năng vận động.)

→ D không thể suy ra ở ‘can only be beneficial with a strictly controlled duration’ vì bài đọc chỉ nói rằng 30 phút chơi trò chơi điện tử có thể cải thiện kỹ năng chứ không nói rằng cần phải kiểm soát nghiêm ngặt thời lượng thì mới có thể mang lại lợi ích.

+ The not-for-profit organisation, Makerspace, has developed an education programme based around games in conjunction with Minecraft. (Tổ chức phi lợi nhuận Makerspace đã phát triển một chương trình giáo dục dựa trên các trò chơi kết hợp với Minecraft.)

→ A có thể được suy ra từ bài đọc.

→ **Chọn đáp án A**

Câu 40

Which of the following best summarises the passage?

- A. Video games can surprisingly help develop essential skills like problem-solving, patience, and decision-making, offering a sense of achievement, but excessive screen time and online interactions require caution.
- B. While computer skills are vital, video games offer unexpected benefits for developing problem-solving and decision-making skills through challenges and virtual consequences, with some educational programmes now incorporating them.
- C. Developing crucial life skills such as problem-solving and patience can be achieved through playing certain video games that offer challenges and feedback on decisions, with educational programmes now using games like Minecraft.
- ✓ **D. Video games can be surprisingly beneficial for developing essential life skills, but moderation is crucial to avoid isolation and online risks, with educational programmes integrating them for skill development.**

➡ **Chọn đáp án đúng:** D. Video games can be surprisingly beneficial for developing essential life skills, but moderation is crucial to avoid isolation and online risks, with educational programmes integrating them for skill development.

Kiến thức: Tóm tắt bài đọc

Điều nào sau đây tóm tắt tốt nhất bài đọc?

A. Trò chơi điện tử có thể giúp phát triển các kỹ năng thiết yếu một cách đáng ngạc nhiên như giải quyết vấn đề, sự kiên nhẫn và ra quyết định, mang lại cảm giác đạt được thành tựu, nhưng thời gian sử dụng thiết bị quá nhiều và tương tác trực tuyến đòi hỏi sự thận trọng. → Sai vì chưa đề cập đến việc tích hợp trò chơi điện tử vào giáo dục.

B. Mặc dù kỹ năng máy tính rất quan trọng nhưng trò chơi điện tử mang lại những lợi ích bất ngờ cho việc phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định thông qua các thử thách và hậu quả ảo, với một số chương trình giáo dục hiện đã kết hợp chúng. → Sai vì chưa đề cập đến những hạn chế của trò chơi điện tử.

C. Việc phát triển các kỹ năng sống quan trọng như giải quyết vấn đề và sự kiên nhẫn có thể đạt được thông qua việc chơi một số trò chơi điện tử nhất định mà đưa ra thử thách và phản hồi về các quyết định, với các chương trình giáo dục hiện đang sử dụng các trò chơi như Minecraft. → Sai vì chưa đề cập đến những hạn chế của trò chơi điện tử.

D. Trò chơi điện tử có thể mang lại lợi ích đáng kinh ngạc cho việc phát triển các kỹ năng sống thiết yếu, nhưng sự tiết chế là rất quan trọng để tránh sự cô lập và các rủi ro trực tuyến, với các chương trình giáo dục tích hợp chúng để phát triển kỹ năng. → Tóm tắt tốt nhất nội dung chính của bài đọc.

Tóm tắt:

Trò chơi điện tử có lợi ích đáng kinh ngạc trong việc phát triển các kỹ năng sống quan trọng nhưng cần có sự kiểm soát để tránh sự cô lập do sử dụng thiết bị quá nhiều gây ra, rủi ro về sự tương tác trực tuyến không an toàn và việc chi tiêu quá mức, đồng thời đã có chương trình giáo dục tích hợp trò chơi điện tử để hỗ trợ cho việc phát triển kỹ năng.

→ **Chọn đáp án D**

Tổng hợp đáp án

Câu	Đáp án đúng
1	D. clear learning goals
2	D. obstacles
3	C. many

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

4	A. to
5	C. pick up
6	B. which
7	D. organised
8	C. number
9	C. proceeds
10	B. raise
11	B. so that
12	B. memorable
13	D. c – a – e – b – d
14	B. d – b – a – c – e
15	D. e – a – b – d – c
16	C. e – c – b – a – d
17	B. c – b – a
18	B. has become a symbol of sustainable living
19	B. create habitats for birds and insects
20	D. where employees can relax during breaks
21	C. but the sense of renewal these gardens bring
22	B. stand as living testaments to cities learning to heal themselves
23	B. karaoke
24	D. Group singing has the most significant impact on people’s lives, but all types of singing can improve your mood.
25	C. valuable
26	D. vulnerable
27	C. boosting independent learning
28	D. Singing helps improve pronunciation, making it an effective way to learn language skills.
29	C. Paragraph 3

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

30	D. Paragraph 4
31	B. play a crucial role in dealing with daily tasks
32	D. persistence
33	C. games
34	C. As humans, we frequently learn from our mistakes, but there are some mistakes we should try to avoid.
35	B. can improve real-life decision-making skills
36	C. Despite their benefits, video games can lead to excessive screen time, unsafe interactions, and unexpected costs if not managed properly.
37	C. Playing video games regularly equips players with the most essential life skills, turning them into well-rounded individuals.
38	D. (I)
39	A. Minecraft played a key role in the development of Makerspace's education programme.
40	D. Video games can be surprisingly beneficial for developing essential life skills, but moderation is crucial to avoid isolation and online risks, with educational programmes integrating them for skill development.